|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**  Số:  /TTr-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *An Giang, ngày tháng năm 2024* |
|  |  |

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết** **Quy định nội dung, mức hỗ trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025**

**trên địa bàn tỉnh An Giang**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung, mức hỗ trợ thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

**1. Cơ sở thực tiễn**

Tỉnh An Giang có 16 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có 07 xã đặc biệt khó khăn và 34 ấp đặc biệt khó khăn theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 và Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Giai đoạn 2018 -2020 Chương trình 135 là chương trình được Trung ương hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn, biên giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số, với nội dung thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo. Được Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 về mức chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo để áp dụng triển khai trên địa bàn, đã hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện được 268 lớp tập huấn cho 6.378 nông dân; xây dựng 275 mô hình trình diễn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất cho 2.612 hộ nghèo; hỗ trợ mua sắm thiết bị máy móc cho 851 hộ nghèo, nhóm hộ. Thông qua việc thực hiện chính sách hỗ trợ của Chương trình 135 đã góp phần cải thiện cuộc sống của hộ đồng bào dân tộc thiểu số, vươn lên thoát nghèo tỷ lệ giảm nghèo bình quân hằng năm giảm từ 3 đến 4 %/năm đạt so với kế hoạch đặt ra.

Chương trình chính sách dân tộc đã được tích hợp vào Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, ở Tiểu dự án 2 của Dự án 3 *“Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị”* và căn cứ theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia quy định đối với nội dung: Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng. Theo hướng dẫn quy định để triển khai thực hiện nội dung này cần thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định hướng dẫn theo điều kiện thực tiễn ở địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số, là thật sự cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

**2. Căn cứ xây dựng Nghị quyết**

2.1. Căn cứ của Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia Tại khoản 3 Điều 4 quy định:

*“****Điều 4. Cơ chế, chính sách đặc thù trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia***

*Về ban hành quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án phát triển sản xuất:*

*a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyết định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án trong hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nội dung các chương trình mục tiêu quốc gia trong trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chưa ban hành quy định về các nội dung này;*

*b) Trường hợp cần sửa đổi, bổ sung trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án trong hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nội dung các chương trình mục tiêu quốc gia đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung sau khi được sự đồng ý của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.”*

2.2. Căn cứ Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, tại điểm b khoản 3 Mục III như sau:

*“ Với các địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất theo chuối giá trị, căn cứ cào tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế, trong đó tập trung hỗ trợ các nội dung chủ yếu sau:*

*a). Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thuỷ sản: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thuỷ sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất.*

*b). Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Hỗ trợ thiết kế nhà xưởng; hướng dẫn vận hành máy móc thiết bị; thiết bị, vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm.*

*c). Hỗ trợ các hoạt động đa dạng hoá sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.”*

2.3. Căn cứ Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, tại mục 4, mục 5 khoản 13, 22 Điều 1 như sau:

***“ Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng***

*“****Mục 4. Nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước*** *thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia … . Trong đó ưu tiên thực hiện các nội dung:*

*a). Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.*

*b). Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.*

*c). Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hoá, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.*

***Mục 5. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước***

*a) Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia. Cơ quan phê duyệt dự án, phương án quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, phương án, nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.*

*b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ thông qua người đại diện do cộng đồng lựa chọn.…”*

*“ Khoản 22. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:*

*“* ***Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh***

*Khoản 1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:*

*đ) Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.”.”*

2.4. Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Tại Điều 12, quy định:

***“ Điều 12: Nội dung và mức chi đặc thù của Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế***

*… Chi hỗ trợ cán bộ trực tiếp trực tiếp đến tận hộ gia đình tư vấn, hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả… chi xây dựng và quản lý dự án…, tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao….*

*Chi hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, giống cay trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thu y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung cấp dịch vụ: Nội dung và mức hỗ trợ theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án trong phạm vi mức hỗ trợ một (01) dự án phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế đẫ được phê duyệt…”*

2.5. Tại khoản 1, 4 Điều 27 của luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

***“ Điều 27. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh***

*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:*

*1.Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.*

*4. Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương”*

Căn cứ các quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về định mức, nội dung theo Nghị định 38/2023/NĐ-CP thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang ***là đúng thẩm quyền***.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN**

**1. Mục đích**

Việc ban hành Nghị quyết để làm căn cứ pháp lý trong việc lập kế hoạch triển khai thực hiện sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang, theo đúng quy định hướng dẫn tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tại khoản 12 Điều 1 (sửa đổi bổ sung Điều 21) “Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị” và khoản 13 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung Điều 22) “Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng”.

**2. Quan điểm xây dựng văn bản**

- Cụ thể hoá chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

- Góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo hàng năm trên địa bàn tỉnh, trong đó: hộ nghèo đa chiều giảm bình quân từ 0,5-1%/năm và hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm bình quân từ 3-4%/năm.

- Biện pháp có tính đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đảm bảo tính thống nhất, cụ thể đối với từng dự án; từng nhóm đối tượng; từng địa bàn các hoạt động có liên quan đến thực hiện dự án và phù hợp với quy định của pháp luật, thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, tham gia của các hộ dân.

- Thực hiện đúng trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương trong việc cụ thể hóa quy định của Trung ương, bảo đảm quy định hiện hành về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết Quy định nội dung, mức hỗ trợ thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang**.**

**2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang, cụ thể:

2.1. Đối tượng

Đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo. Ưu tiên hộ nghèo là người dân tộc thiểu số; hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động. Ưu tiên dự án do nhóm hộ, tổ hợp tác có trên 50% số thành viên là phụ nữ đề xuất.

2.2. Địa bàn

Các xã đặc biệt khó khăn, ấp đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh An Giang.

**IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN**

**1. Mục tiêu của chính sách**

Hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế cộng đồng phù hợp theo điều kiện thực tiễn vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở địa bàn tỉnh nhằm khai thác tiềm năng lợi thế theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, cải thiện tập quán canh tác của đồng bào dân tộc, liên kết sản xuất ổn định và hỗ trợ quảng bá sản phẩm đặc sản của đồng bào dân tộc, tạo việc làm tại địa phương nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**2. Nội dung của chính sách**

2.1. Nội dung hỗ trợ:

*Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia) và thực hiện theo quy định tại dấu chấm (.) thứ tư điểm b khoản 3 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 và các văn bản hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư* 55/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, c*ụ thể như sau:*

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thuỷ sản: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thuỷ sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất.

- Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Hỗ trợ thiết kế nhà xưởng; hướng dẫn vận hành máy móc thiết bị; thiết bị, vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm.

- Hỗ trợ các hoạt động đa dạng hoá sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ cán bộ trực tiếp trực tiếp đến tận hộ gia đình tư vấn, hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.

- Xây dựng và quản lý dự án

-. Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.

Trong đó ưu tiên thực hiện các nội dung hỗ trợ như sau:

- Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

- Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

2.2 Mức hỗ trợ:

- Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao thực hiện theo quy định tại điểm khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP)thuộc phạm vi đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 12 Thông tư 55/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC BAN HÀNH**

1. Sử dụng từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện Tiểu dự án 2 của Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025, gồm:

- Ngân sách trung ương;

- Ngân sách địa phương (đối ứng tối thiểu 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện).

2. Vốn tín dụng ưu đãi theo quy định theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn I : từ năm 2021 đến năm 2025

3. Vốn huy động hợp pháp và vốn đóng góp của nhân dân (nếu có).

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH**

Dự kiến thông qua tại kỳ họp trong cuối năm 2024 Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, nhiệm kỳ 2021-2026.

Trên đây là Tờ trình đề xây dựng Nghị quyếtQuy định về định mức, nội dung thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Ủy ban nhân dân kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

*( Xin gửi kèm: dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, Báo cáo đánh giá tác động chính sách; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - TT.TU.UBND tỉnh;  - Sở, ban, ngành tỉnh;  - UBND huyện, thị, thành phố;  - Lãnh đạo VPUBND tỉnh;  - Lưu: VT. | **TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT.CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH** |